TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-10-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa: Ông Lê Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Tạ Hữu K nơi cư trú: Thôn AB, xã DT, huyện VB , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị D; nơi cư trú: Thôn DĐ, xã DT, huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘID VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Tạ Hữu K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện VB , thành phố Hải Phòng vào ngày 16-7-2012. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Từ cuối năm 2012 chị D đã bỏ về gia đình chị ở Thôn DĐ, xã DT, huyện VB , thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chi Nguyễn Thị D .

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị D không có con chung

Về tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị D xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh K trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được hai tháng thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Từ cuối năm 2012 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh K xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Tạ Hữu K không có con chung

Về tài sản: Chị và anh Tạ Hữu K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn cũng như các hoạt động tố tụng khác. Các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ. Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án về tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Tuy nhiên việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Xử cho anh Tạ Hữu K được ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Về con chung, tài sản chung anh chị không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Tạ Hữu K phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị D đang cư trú tại Thôn DĐ, xã DT, huyện VB , thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa anh Tạ Hữu K và chị Nguyễn Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D .

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh Tạ Hữu K và chị Nguyễn Thị D kết hôn ngày 16-7-2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện VB , thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau. Từ cuối năm 2012 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh K nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chịD . Quá trình giải quyết vụ án chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với anh K. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chịD đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Tạ Hữu K xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Tạ Hữu K và chị Nguyễn Thị D không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Anh Tạ Hữu K và chị Nguyễn Thị D không có tài sản chung, không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Tạ Hữu K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Tạ Hữu K được ly hôn với chị Nguyễn Thị D .

2. Về con chung: Anh Tạ Hữu K và chị Nguyễn Thị D không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết

3. Về tài sản: Anh Tạ Hữu K và chị Nguyễn Thị D không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tạ Hữu K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh K đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001099 ngày 16-7-2018. Anh Tạ Hữu K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã DT huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền